



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Quản lý kỹ thuật, Bộ phận Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS)

Laboratory: Technical Management Department, Product Quality Control (KCS)

Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần cao su Lai Châu II

Organization: Lai Chau II Rubber Joint Stock Company

Số hiệu/ Code: VILAS 1639

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa, Cơ

Field: Chemical, Mechanical

Người quản lý/
Laboratory manager: Lê Văn Tư

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ: Bản Chiềng Chăn 4, xã Lê Lợi, tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Address: Chieng Chan 4 Village, Le Loi Commune, Lai Chau Province, Vietnam

Địa điểm/
Việt Nam

Location: Lai Chau II Rubber Processing Factory, Ban Cho Village, Le Loi Commune,
Lai Chau Province, Vietnam

Điện thoại/ Tel: 0844699555

E-mail: qltkcs.cslc2@gmail.com

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1639****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ****Field of testing: Chemical, Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/ range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1	Cao su thiên nhiên SVR Rubber natural SVR	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0,006 ~ 0,076) %	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2		Xác định hàm lượng tro. Phương pháp A <i>Determination of ash content. A method</i>	(0,161 ~ 0,595) %	TCVN 6087:2010
3		Xác định hàm lượng Nitơ. Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of Nitrogen content Semi-micro method</i>	(0,158 ~ 0,448) %	TCVN 6091:2016
4		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp tủ sấy. Quy trình A <i>Determination of volatile-matter content Oven method. Process A.</i>	(0,185 ~ 0,689) %	TCVN 6088-1:2014
5		Xác định độ dẻo. Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Determination of plasticity Rapid plastimeter method</i>	30,1 ~ 49,6	TCVN 8493:2010
6		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) <i>Determination of plasticity retention index (PRI)</i>	(50,1 ~ 80,0) %	TCVN 8494:2020

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standards*;

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*.

Trường hợp Công ty Cổ phần cao su Lai Châu II cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần cao su Lai Châu II phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Lai Chau II Rubber Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

